

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

Căn cứ vào Điều 32; 33; 34 và 35 của Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của ông Phạm Thế B và bà Lê Thị L.

Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hui đề ngày 21 tháng 11 năm 2026 của ông Phạm Thế B.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc thỏa thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

- *Người khởi kiện:* Ông **Phạm Thế B**, sinh ngày: 01/01/1975.

Căn cước công dân số 083075.... cấp ngày 03/7/2021

Địa chỉ: Ấp T, xã C, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người bị kiện:* Bà **Lê Thị L**, sinh năm: 1977

Căn cước công dân số 083177....

Địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2026 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 12 tháng 01 năm 2026, cụ thể như sau:

Bà Lê Thị L thừa nhận còn nợ ông Phạm Thế B số tiền mua bán thức ăn chăn nuôi là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Bà Lê Thị L đồng ý có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thế B số tiền nợ mua bán thức ăn chăn nuôi là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Thời gian trả là ngày quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 29/01/2026).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Thế B không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nợ nêu trên.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- VKSND Khu vực số 8;
- Cơ quan THADS Vĩnh Long.
- TAND tỉnh Vĩnh Long
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Bùi Thái Dương